

Bản án số: **65/2021/DS-ST**

Ngày 29/10/2021

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Hanh

2/ Ông Trương Đức Lâm

- T ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ-T ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2016/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2016 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXX-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Văn Tiến H, sinh năm 1954. Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích Hợp pháp của nguyên đơn (ông Văn Tiến H): Bà Hg Thị Bích L- Luật sư Văn phòng luật sư Hg L- Đoàn luật sư tỉnh B - Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1952. Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (vắng mặt); Bà P ủy quyền cho anh Văn Hữu Đ, sinh năm 1971 (con bà P, văn bản ủy quyền ngày 13/5/2016); Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích Hợp pháp của bị đơn (bà Phạm Thị P): Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B thực hiện trợ giúp pháp lý- Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Văn Thị H, sinh năm 1952; Địa chỉ: Đội 2, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
 2. Ông Văn Hữu H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Đội 2, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
 3. Bà Văn Thị C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Đội 1, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
 4. Anh Văn Hữu S, sinh năm 1987 (Con ông Văn Hữu S); Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có đề nghị vắng mặt.
 5. Chị Văn Thị D, sinh năm 1989 (Con ông Văn Hữu S); Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B- Có đề nghị vắng mặt.
 6. Anh Văn Hữu Đ, sinh năm 1971(con ông Văn Hữu Đ); Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
 7. Anh Văn Hữu T, sinh năm 1976 (con ông Văn Hữu Đ); Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
 8. Anh Văn Hữu T, sinh năm 1979 con ông Văn Hữu Đ). Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
 9. Chị Văn Thị H, sinh năm 1982 (con ông Văn Hữu Đ); Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
 10. Chị Văn Thị H, sinh năm 1988 (con ông Văn Hữu Đ); Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh B- Vắng mặt.
 11. Bà Văn Thị C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
 12. UBND huyện H; Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn T, H, B- Do ông Nguyễn Văn C- Phó phòng Tài Nguyên và Môi trường hợpuyện H đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 2169/QĐ-UB ngày 18/5/2021)- Có đề nghị vắng mặt.
 13. Bà Tạ Thị L, sinh năm 1969 (vợ ông Văn Hữu S); Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Có đề nghị vắng mặt.
- Những người tham gia tố tụng khác:
- +/- Người làm chứng: Ông Văn Hữu C, sinh năm 1934; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/6/2016, bản tự khai và các tài L có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông Văn Tiến H) trình bày:

Bố đẻ của ông là cụ Văn Hữu T, mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Thị Th. Bố mẹ ông sinh ra được 07 người con là: 1. Ông Văn Hữu Đ, sinh năm 1951 (mất năm 2003); 2. Bà Văn Thị H, sinh năm 1952; 3. ông là Văn Tiến H, sinh năm 1954; 4. Ông Văn Hữu H, sinh

năm 1957; 5. Bà Văn Thị C, sinh năm 1965; 6. Ông Văn Hữu S, sinh năm 1968 (mất năm 2012); 7. Bà Văn Thị C, sinh năm 1972. Bố ông là cụ T mất năm 1991, đến năm 2012 thì mẹ ông là cụ Th mất. Ông Văn Hữu Đ sinh được 05 người con là Văn Hữu Đ, sinh năm 1971; Văn Hữu T, sinh năm 1976; Văn Hữu T, sinh năm 1979; Văn Thị H, sinh năm 1982 và Văn Thị H, sinh năm 1988. Ông Văn Hữu S sinh được 02 người con là Văn Hữu S, sinh năm 1986 và chị Văn Thị D, sinh năm 1989. Bà Văn Thị C khi ở nhà vẫn sống độc thân nên chưa có con, hiện nay ông không biết địa chỉ nơi ở và làm việc cụ thể của bà C ở đâu.

Khi cụ T và cụ Th còn sống, năm 1951 bố mẹ ông có mua 01 thửa đất của ông có tên là Yên- người Bắc Ninh, diện tích thửa đất là 1.878m² tại Đội 3, thôn T, xã T (nay là thửa số 56, tờ bản đồ số 06, diện tích 1878m²- năm 2005 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Văn Hữu Đ). Thửa đất này bố, mẹ ông vẫn sử dụng thường xuyên, liên tục, hàng năm bố mẹ ông vẫn đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Trên đất các cụ đã xây một ngôi nhà 5 gian vào năm 1978 và trồng cây cối như: 02 cây xà cừ, 05 cây mít. Riêng 02 cây xà cừ đã bị các con ông Đ chặt vào ngày 09/9/2015 và bán được số tiền 36 triệu đồng.

Đối với các anh chị em của ông khi trưởng thành thì bố mẹ ông đều xin Hợp tác xã đất ở ra ở riêng, không ở chung đất với bố mẹ ông.

Năm 1991 cụ Văn Hữu T qua đời, không để lại di chúc hay tặng cho phần tài sản thuộc quyền sử dụng của mình cho ông Đ hoặc người con nào khác. Gia đình ông cũng chưa bao giờ phân chia phần di sản thừa kế của cụ T để lại cho các đồng thừa kế nên phần tài sản này là tài sản thuộc sở hữu chung của cụ Th (mẹ của ông) và các người con (trong đó có ông).

Năm 1993, gia đình ông chỉ cho gia đình ông Đ về ở trên đất đó một thời gian để lo giỗ tết cho cụ T. Đến năm 2007 thì vợ chồng con cái ông Đ chuyển đi và về ở trên đất cũ, trả lại toàn bộ diện tích đất cho cụ Th. Kể từ đó chỉ có một mình cụ Th quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất, cây cối cho đến khi mất vào năm 2012. Khi cụ Th còn sống và các con (trong đó có ông) không có văn bản tặng cho ông Đ được sử dụng riêng thửa đất trên. Đến giữa năm 2010 ông và mẹ ông (cụ Th) mới được biết UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Văn Hữu Đ vào năm 2001 (cấp đổi năm 2005) đối với thửa đất diện tích 1.878m². Khi cấp giấy cho ông Đ thì cụ Th đang ở Bắc Ninh, còn ông đang ở Hà Nội nên mọi người không được biết việc cấp không đúng pháp luật đó, điều này làm mọi người hết sức bất bình. Vì vậy, vào tháng 4/2010 mẹ của ông đã làm đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng cho ông Văn Hữu Đ. Tuy nhiên, tại văn bản số 180/CV-TNMT ngày 15/10/2010 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện H trả lời đơn T của công dân lại cho rằng “Theo khoản 1 Điều 136 của Luật đất đai quy định tranh chấp về quyền sử dụng đất có GCNQSD đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết”.

Ngày 30/5/2011, mẹ của ông cũng đã ủy quyền cho ông làm đơn khiếu nại đến cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cấp không đúng pháp luật cho ông Văn Hữu Đ nhưng không nhận được trả lời của UBND huyện H.

Năm 2012 mẹ của ông là cụ Th qua đời, cũng không để lại di chúc định đoạt tài sản chung của mình cho riêng ai. Đ thời, các anh chị em của ông không thỏa thuận để tự phân chia di sản thừa kế mà bố, mẹ của ông để lại được. Vì vậy, ông có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị Tòa án phân chia khối di sản thừa kế của bố, mẹ của ông cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393 do UBND huyện H cấp ngày 31/5/2005, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.878m², cấp cho hộ ông (bà) Văn Hữu Đ, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện H, tỉnh B.

Ông xác định ngày 18/6/1993 (âm lịch) là ngày giỗ bố của ông, ông có mặt nhưng không có việc mẹ của ông là cụ Th tuyên bố chia tài sản chung cho các con như bà H, ông H và anh Đ trình bày. Việc bà H, ông H và anh Đ trình bày mẹ của ông tuyên bố cho ông 01 cây mít vào ngày 18/6/1993 (âm lịch) là không đúng mà là năm 1990 sau khi ông làm nhà xong thì bố ông có cho ông 01 cây mít để đóng cánh cửa nhà (ông làm nhà năm 1990). Mặt khác, nếu mẹ ông đã tuyên bố cho ông Đ thừa đất diện tích 1878m² năm 1993 thì không có việc năm 2010 mẹ ông lại khởi kiện vụ án hành C tại Tòa án yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước cấp cho ông Đ năm 2005 nêu trên.

Nay ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết những yêu cầu khởi kiện của công, cụ thể như sau:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393 do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005 mang tên ông Văn Hữu Đ đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa đất 1878m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

2. Đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo pháp luật thành 07 phần bằng nhau, cho mỗi Đ thừa kế hưởng một phần. Ông xin nhận tài sản thừa kế của mình bằng đất ở và đất vườn, ông không nhận bằng tiền. Ông xác định tài sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa đất 1878m² (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6, diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m²); Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B, trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát; trên đất trước đây có 05 cây mít và 03 cây xà cừ hiện nay con ông Đ chặt 05 cây mít bán không rõ là bao nhiêu tiền và 02 cây xà cừ với giá 36 triệu đồng. Trường hợp, không chia phần tiền bán cây mít và cây xà cừ thì yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được hưởng các cây cối, hoa lợi còn lại trên đất. Tại phiên tòa ông H đề nghị tài sản gắn liền trên đất hiện nay vẫn còn ông không yêu cầu chia mà trường hợp chia đất theo pháp luật, tài sản chung cây cối hoa lợi thuộc vào diện tích đất của ai được chia thì người đó được quyền sở hữu và sử dụng.

Ngoài các yêu cầu nêu trên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết để chia thừa kế đối với tài sản nào khác.

Bị đơn (bà Phạm Thị P do anh Văn Hữu Đ đại diện theo ủy quyền) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Văn Hữu Đ) trình bày: Anh Đ là con của ông Văn

Hữu Đ và bà Phạm Thị P, là cháu nội của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th. Ông Đ, bà P sinh được 05 người con là: Văn Hữu Đ, Văn Hữu T, Văn Hữu T, Văn Thị H và Văn Thị H. Ông Đ là con trai trưởng của cụ Văn Hữu T. Cụ T và cụ Th sinh được 07 người con là: ông Văn Hữu Đ, sinh năm 1952 (đã mất năm 2003), bà Văn Thị H, sinh năm 1954, ông Văn Tiến H, sinh năm 1956, ông Văn Hữu H, sinh năm 1957, bà Văn Thị C, sinh năm 1966, ông Văn Hữu S, sinh năm 1969 (đã chết), bà Văn Thị C, sinh năm 1972.

Năm 1991, cụ Văn Hữu T qua đời để lại cho cụ Nguyễn Thị Th 01 thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.878m² (diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m²). Đến năm 1993, đúng vào ngày giỗ cụ T thì cụ Nguyễn Thị Th có làm cơm mời anh em con cháu về ăn cơm. Sau đó cụ Th có mời mọi người ở lại uống nước và bàn giao toàn bộ giỗ tết và thửa đất nêu trên cho bố anh là ông Đ và phân chia tài sản trên mảnh đất đó. Trên mảnh đất đó gồm 01 ngôi nhà 5 gian và cây cối lâm lộc. Cụ Th cho ông Văn Tiến H 02 cây mít, ông H đã chặt ngay. Ông Văn Hữu S có lấy 1 số cây xoan và bạch đàn để làm nhà và cũng chặt ngay sau đó. Cụ Th có bớt lại 01 cây mít để ăn trâu vò, còn lại toàn bộ tài sản chung cụ Th cho bố anh thừa hưởng để cúng giỗ tết, hương khói tổ tiên dưới sự chứng kiến của anh em họ hàng con cháu và không có giấy tờ gì. Lúc đó ông Văn Hữu C là cháu và là trưởng họ có hỏi cụ Th là “cho như thế thì có cần phải giấy tờ văn bản gì không” thì cụ Th nói là “hở còn không ăn thịt con, là mẹ con thì cần gì phải giấy tờ”. Ngày 18/6/1993 (âm lịch) anh Đ có mặt trong buổi ăn giỗ hôm đó và có chứng kiến việc bà nội anh Đ tuyên bố chia tài sản chung cho các con như bà H trình bày, vì vậy anh Đ hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bà H, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H. Từ năm 1993 đến nay gia đình anh Đ đóng thuế đất nhà của thửa đất nêu trên. Gia đình anh Đ trông nom đất từ năm 1993, đến 2009 do bà P ốm thì anh Đ mới đón bà P ra ở nhà anh Đ cho đến nay. Cụ Th khi đó còn sống có ra ở trên đất cũ, 1 năm sau đó về nhà ông H ở. Toàn bộ các cây vải thiều và 01 cây bưởi trên đất hiện nay là do bố anh Đ (ông Đ) trồng năm 1995, không phải có từ trước. Năm 2005, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất cho ông Đ. Nay ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ, quan điểm của bà P và anh Đ là nếu UBND huyện làm đúng thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thì bà P và anh Đ không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án xem xét.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Văn Thị H) trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, vì lý do: Về việc bố mẹ bà sinh được 07 người con và thời gian bố, mẹ bà mất như ông H trình bày là đúng. Năm 1991 bố bà mất, khi bố bà còn sống thì chưa chia cho ai tài sản gì và cũng không để lại di chúc gì. Tuy nhiên, vào ngày giỗ hết bố bà là ngày 18/6/1993 (âm lịch), hôm đó có đầy đủ các con cháu và có ông Văn Hữu T, ông Văn Hữu L và ông Văn Hữu N (đến nay đều đã chết), có ông Văn Hữu C, địa chỉ tại: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh B, mẹ bà có tuyên bố chia cho các con gồm: ông H 01 cây mít, ông S một số cây xoan và bạch đàn để làm nhà, ông H không lấy gì, các con gái không được chia, còn thửa đất diện tích 1878m² (đo

thực tế là 1.850,2m²) mẹ bà đang ở thì cho ông Văn Hữu Đ để thờ cúng tổ tiên, trên đất còn lại một số cây cối hoa lợi không chia cho các con khác thì ông Đ được hưởng. Hôm đó ông C có hỏi lại mẹ bà là chia như vậy thì có cần làm văn bản gì không, mẹ bà có nói là chia cho các con thì không cần làm văn bản gì nên việc mẹ bà tuyên bố chia tài sản chung cho các con ở trên chỉ tuyên bố miệng có sự chứng kiến của con cháu và những người nêu trên, không làm văn bản giấy tờ gì. Do đó, bà xác định thửa đất diện tích 1878m² (đo thực tế là 1.850,2m²), trên đất hiện nay còn ngôi nhà 05 gian cũ nát mà ông H yêu cầu chia thừa kế là thuộc quyền sử dụng của ông Đ, nay ông Đ chết thì các con của ông Đ được hưởng vì mẹ bà đã chia cho ông Đ năm 1993 như bà đã trình bày ở trên, nên bà không đồng ý chia thừa kế như yêu cầu khởi kiện của ông H. Trường hợp họp Tòa án chia thừa kế thì bà không nhận phần tài sản chung của bố, mẹ bà để lại cho bà, bà cho anh Văn Hữu Đ là cháu bà được hưởng phần thừa kế của bà, để làm chỗ hương khói cho cha mẹ, đề nghị Tòa án giao phần tài sản thừa kế mà bà được hưởng theo pháp luật cho anh Văn Hữu Đ sở hữu và sử dụng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông Văn Hữu H) trình bày:* Ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Văn Thị H. Việc ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế ông không đồng ý. Tài sản chung của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th thì để lại cho ông Văn Hữu Đ (ông Đ đã chết thì để lại cho vợ và con ông Đ). Trường hợp họp chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì ông cũng từ chối không nhận mà ông cho cháu ông là anh Văn Hữu Đ được hưởng phần thừa kế của ông. Ngoài ra ông không còn ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Văn Thị C) trình bày:* Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, chia đều làm 07 phần bằng nhau, bà yêu cầu được chia bằng đất, không nhận tiền. Bà xác định bà H trình bày như trên là không đúng, không có việc mẹ bà là cụ Th chia tài sản chung cho các con vào ngày 18/6/1993 (âm lịch) như bà H trình bày, vì bà không được chứng kiến. Ngày 18/6/1993 (âm lịch) bà có mặt trong buổi ăn giỗ hôm đó nhưng không chứng kiến việc mẹ bà tuyên bố chia tài sản chung cho các con như bà H trình bày.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị L (vợ ông Văn Hữu S) trình bày:* Bà là vợ của ông Văn Hữu S, năm 2012 sau khi cụ Th (mẹ chồng bà) chết được một thời gian thì chồng bà là ông S cũng chết. Vợ chồng bà sinh được 02 người con là Văn Hữu S, sinh năm 1987 và Văn Thị D, sinh năm 1989. Bà xác định khi bố mẹ chồng bà qua đời đều không để lại di chúc, các anh chị em ông S không thỏa thuận để tự phân chia di sản thừa kế mà cụ T và cụ Th để lại. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản chung của cụ T và cụ Th để lại theo pháp luật, bà đồng ý. Đối với kỷ phần thừa kế mà chồng bà (ông Văn Hữu S) được hưởng theo quy định của pháp luật của cụ Th và cụ T, bà và các con Bà đồng ý nhận và xin nhận bằng đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Văn Hữu S (con ông Văn Hữu S) trình bày:* Anh là con của ông Văn Hữu S và bà Tạ Thị L, bố mẹ anh sinh được 02 người con là anh (Văn Hữu S), em gái là Văn Thị D. Ông nội anh là cụ Văn Hữu T mất năm 1991, bà nội là cụ Nguyễn Thị Th mất năm 2012. Do ông bà nội anh mất trước bố đẻ anh (ông Văn Hữu S) nên sau khi bố anh mất thì mẹ anh và hai anh em anh là người

thừa kế ở hàng thứ nhất của bố anh. Khi ông bà nội anh qua đời đều không để lại di chúc, các cô, các bác là anh chị em của bố anh không thỏa thuận để tự phân chia di sản thừa kế mà cụ T và cụ Th để lại. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản chung của cụ T và cụ Th để lại theo pháp luật, anh đồng ý. Đối với phần thừa kế mà bố anh (ông Văn Hữu S) được hưởng theo quy định của pháp luật của cụ Th và cụ T, anh, em anh và mẹ anh đồng ý nhận và xin nhận bằng đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Văn Thị D (con ông Văn Hữu S) trình bày:* Chị là con của ông Văn Hữu S và bà Tạ Thị L, bố mẹ chị sinh được 02 người con là chị (Văn Thị D) và anh trai là Văn Hữu S. Bố của chị (ông Văn Hữu S) là con trai của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th. Ông nội chị là cụ Văn Hữu T mất năm 1991, bà nội là cụ Nguyễn Thị Th mất năm 2012, còn bố chị (ông S) mất sau cụ Th cũng trong năm 2012. Do ông bà nội chị mất trước bố đẻ chị (ông Văn Hữu S) nên sau khi bố chị mất thì mẹ chị và hai anh em chị là người thừa kế ở hàng thứ nhất của bố chị. Khi ông bà nội chị qua đời đều không để lại di chúc, các cô, các bác là anh chị em của bố chị không thỏa thuận để tự phân chia di sản thừa kế mà cụ T và cụ Th để lại. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản chung của cụ T và cụ Th để lại theo pháp luật, chị đồng ý. Đối với phần thừa kế mà bố chị (ông Văn Hữu S) được hưởng theo quy định của pháp luật của cụ Th và cụ T, chị, anh trai chị và mẹ chị đồng ý nhận và xin nhận bằng đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh Văn Hữu T) trình bày:* Anh đồng ý với ý kiến của bà H, ông H và anh Đ, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H. Từ năm 1993 đến nay gia đình anh đóng thuế đất nhà, gia đình anh trồng nom đất từ năm 1993, đến 2009 do mẹ anh ốm thì anh mới đón mẹ anh ra ở cho đến nay, cụ Th khi đó còn sống có ra ở trên đất cũ 1 năm, sau đó về nhà ông H ở. Toàn bộ các cây vải thiều và 01 cây bưởi trên đất hiện nay là do bố anh (ông Đ) trồng năm 1995, không phải có từ trước. Ngày giỗ hết ông nội anh (18/6/1993 âm lịch) anh không có mặt ở nhà nên không chứng kiến việc bà nội anh chia tài sản chung cho các con.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Văn Thị H) trình bày:* Chị đồng ý với ý kiến của bà H, ông H và anh Đ, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H. Thửa đất đang có tranh chấp thì từ năm 1993 bà nội chị là cụ Th đã tuyên bố cho bố chị là ông Văn Hữu Đ trong ngày giỗ ông nội chị, có mặt các anh em ruột của ông nội cùng các con cháu trong gia đình. Đến nay Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố chị theo quy định. Toàn bộ các cây vải thiều và 01 cây bưởi trên đất hiện nay là do bố chị (ông Đ) trồng năm 1995, không phải có từ trước. Gia đình chị đã quản lý thửa đất này từ năm 1993 đến nay và đóng thuế đầy đủ nên thửa đất không còn là di sản để thừa kế để chia theo yêu cầu của ông H nữa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H):* Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không gửi văn bản, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của các đương sự có tên nêu trên trong hồ sơ vụ án.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (UBND huyện H) trình bày:* Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393 ngày

31//5/2005 cho hộ ông Văn Hữu Đ, qua hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp cho thấy: Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20/8/2003 chủ sử dụng đất là con ông Đ ký thay ông Đ. Mặt khác, ngày 09/4/2019 UBND xã T đã xác nhận bản sao Trích lục khai tử với nội D ông Văn Hữu Đ đã chết từ ngày 28/11/2002. Như vậy, việc lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Đ sau khi ông Đ đã chết là không đúng đối tượng. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013 quy định về đình C, thu hồi GCNQSD đất: “Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”. Như vậy, đối chiếu với quy định trên thì GCNQSD đất đã cấp cho ông Văn Hữu Đ, sinh năm 1952, thôn T, xã T thuộc trường hợp phải thu hồi. Tuy nhiên, hiện nay Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đang thụ lý giải quyết vụ án, UBND huyện không ban hành Quyết định thu hồi GCNQSD đất mang tên hộ ông Văn Hữu Đ, UBND huyện sẽ chấp hành quyết định có hiệu lực của Tòa án sau khi giải quyết xong vụ việc.

- *Người làm chứng (ông Văn Hữu C) trình bày:* Vào ngày 18/6/1993 (âm lịch) ông có đến nhà cụ Nguyễn Thị Th ăn giỗ cụ T. Sau khi ăn xong, cụ Th có mời lại họp gia đình, tuyên bố cho ông Văn Hữu Đ là con cả mảnh đất và toàn bộ lâm lộc trên đất; cho ông H 01 cây mít; cho ông S xoan và bạch đàn để làm nhà (khoảng 10 cây); còn ông H và bà H không lấy thứ gì. Cụ Th tuyên bố cho tài sản chung cho các con như trên trước sự chứng kiến của ông và ông Văn Hữu T (đến nay đã chết), ông Văn Hữu L (đến nay đã chết), ông Văn Hữu N (đến nay đã chết) và các con cháu, trong đó có cả anh Văn Hữu Đ. Lúc đó ông còn hỏi “thế cho có phải làm giấy tờ gì không”, cụ Th có nói “không phải giấy tờ, mẹ cho con thì làm sao phải giấy, hủ nào ăn thịt con”. Ông cam đoan những gì ông nói ở trên Hoàn toàn là sự thật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Thừa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đã được cụ Th và các anh chị em ruột của ông Đ thống nhất cho ông Văn Hữu Đ từ năm 1993, đến nay đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Văn Hữu Đ, nên không còn là di sản của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th để chia thừa kế nữa. Vì vậy, ông Văn Tiến H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Nhà nước cấp đứng tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ là không có căn cứ. Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng các quy định của Luật đất đai, Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Tiến H về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa đất 1878m² (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6, diện tích đo thực tế là 1850,2m²); Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B; tiền bán cây mít và cây xà cừ trên đất và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393 do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005 mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, việc chấp hành hợp pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn là bà Phạm Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đ xét xử:

Áp dụng Điều 612; Điều 613; Điều 616; Điều 618; Điều 620; Điều 651; Điều 652; Điều 660; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 98, Điều 100 của Luật Đất đai; khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Văn Tiến H về việc yêu cầu chia số tiền 36.000.000đ (Ba mươi Sáu triệu Đ) mà gia đình bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ quản lý do trước đây đã bán 02 cây xà cừ và 05 cây mít trên thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B, hiện nay đang có tranh chấp.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Tiến H về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác nhận thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B; trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát, hiện nay bà Phạm Thị P và anh Văn Hữu Đ (vợ và con ông Văn Hữu Đ) đang quản lý là di sản của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th để lại. Diện tích đất 1.850,2m² có trị giá là 1.143.610.000đ (Một tỉ một trăm bốn mươi ba nghìn S trăm mười nghìn đồng).

3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th gồm: 1. Ông Văn Hữu Đ; 2. bà Văn Thị H; 3. ông Văn Tiến H; 4. ông Văn Hữu H; 5. bà Văn Thị C; 6. ông Văn Hữu S; 7. bà Văn Thị C.

- Tài sản chia thừa kế là thửa đất có diện tích thực tế là 1850,2m² được chia làm 7 phần bằng nhau cho 7 suất được hưởng tài sản thừa kế theo pháp luật, gồm: 1. Ông Văn Hữu Đ (chết năm 2003- những người được nhận tài sản thừa kế của ông Đ là bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ, anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H, chị Văn Thị H); 2. bà Văn Thị H; 3. ông Văn Tiến H; 4. ông Văn Hữu H; 5. bà Văn Thị C; 6. ông Văn Hữu S (chết năm 2012- những người được nhận tài sản thừa kế của ông S là bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S, chị Văn Thị D); 7. bà Văn Thị C; mỗi phần được chia diện tích là 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn). Trị giá đất ở là 900.000đ/1m²; trị giá đất vườn là 550.000đ/1m²; 264,3m² đất được chia thừa kế có trị giá là: 163.355.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Ghi nhận việc bà Văn Thị H, ông Văn Hữu H từ chối không nhận phần tài sản được thừa kế theo quy định của pháp luật và cho cháu là anh Văn Hữu Đ được hưởng phần thừa kế của ông H, bà H.

3.1. Giao cho bà Văn Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B;

3.2. Giao cho ông Văn Tiến H được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B;

3.3. Giao cho bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S và chị Văn Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B;

3.4. Giao cho anh Văn Hữu Đ được quyền sử dụng 02 thửa đất, diện tích mỗi thửa đất là 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B;

3.5. Giao cho bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ, anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H và chị Văn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là

1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B;

3.6. Giao cho bà Văn Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn- được đánh số trong sơ đồ là thửa số 123) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B; Nhưng tạm giao cho ông Văn Tiến H quản lý thửa đất số 123 của bà Văn Thị C do bà C hiện nay vắng mặt tại địa phương.

4. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393, vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005 cho hộ ông (bà) Văn Hữu Đ; thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06, diện tích 1878m² (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B do đây là di sản của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th để lại.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Văn Tiến H và bà Phạm Thị P do ông H, bà P là người cao tuổi. Trả lại cho ông Văn Tiến H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.025.000đ (Sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000168 ngày 03/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Anh Văn Hữu Đ phải chịu 17.697.300đ (Mười bảy triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H và chị Văn Thị H mỗi người phải chịu 1.361.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Văn Thị C phải chịu 8.168.000đ (Tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Văn Thị C phải chịu 8.168.000đ (Tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S và chị Văn Thị D mỗi người phải chịu 2.722.700đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Văn Tiến H phải chịu toàn bộ số tiền đã chi phí cho việc định giá, thẩm định giá và đo đạc thửa đất là 2.351.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng) (do ông H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí cho việc định giá, thẩm định giá và đo đạc thửa đất).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội Đ xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Anh Văn Hữu S, chị Văn Thị D, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H, chị Văn Thị H (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải Hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Anh Văn Hữu S, chị Văn Thị D, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H đã được Toà án triệu tập Hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 21/12/2015 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/6/2016 của ông Văn Tiến H đây được xác định là “tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp:*

Lúc sinh thời cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th kết hôn và sinh ra được 07 người con C là: 1. Ông Văn Hữu Đ, sinh năm 1951 (chết năm 2003); 2. Bà Văn Thị H, sinh năm 1952; 3. ông Văn Tiến H, sinh năm 1954; 4. Ông Văn Hữu H, sinh năm 1957; 5. Bà Văn Thị C, sinh năm 1965; 6. Ông Văn Hữu S, sinh năm 1968 (chết năm 2012); 7. Bà Văn Thị C, sinh năm 1972. Cụ T chết năm 1991, đến năm 2012 thì cụ Th chết. Ông Văn Hữu S kết hôn với bà Tạ Thị L sinh được 02 người con là Văn Hữu S, sinh năm 1986 và chị Văn Thị D, sinh năm 1989. Khi cụ T và cụ Th chết đều không để lại di chúc gì. Các đương sự đều thừa nhận lúc sinh thời cụ T và cụ Th tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6); Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ năm 2005, diện tích 1878m² (diện tích đo thực tế là 1.850,2m²), trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát và một số cây cối hoa lợi. Bà Văn Thị H, ông Văn Hữu H cũng như bà Phạm Thị P và con C của bà P và ông Văn Hữu Đ là anh Đ đều xác định ngày 18/6/1993 (âm lịch) là ngày giỗ cụ T, cụ Th đã tuyên bố bằng miệng trước các con cháu và anh em họ hàng có mặt trong ngày hôm đó là chia tài sản chung của cụ T, cụ Th cho các con gồm ông H 01 cây mít, ông S một số cây xoan và bạch đàn để làm nhà, ông H không lấy gì, các con

gái không được chia; còn thừa đất diện tích 1878m² (diện tích đo thực tế là 1.850,2m²) cụ Th đang ở thì cho ông Văn Hữu Đ để thờ cúng tổ tiên, trên đất còn lại một số cây cối hoa lợi không chia cho các con khác thì ông Đ được hưởng. Tuy nhiên, ông Văn Tiến H và bà Văn Thị C không thừa nhận việc cụ Th chia tài sản chung của cụ T và cụ Th vào ngày 18/6/1993 (âm lịch) như bà H, ông H, anh Đ trình bày, xác định tài sản chung của cụ Th và cụ T để lại là thừa đất số 56, tờ bản đồ số 06, diện tích 1878m² (đo thực tế là 1850,2m²) nêu trên, trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát chưa được chia cho ai. Ông Văn Tiến H đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thừa đất có diện tích 1878m² (đo thực tế là 1850,2m²) nêu trên theo quy định của pháp luật và chia làm 7 phần cho 7 người con của cụ T và cụ Th.

[2].1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Văn Tiến H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393 do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005 mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ đối với thừa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thừa đất 1878m²; Địa chỉ thừa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B. Đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo pháp luật thành 07 phần bằng nhau, cho mỗi Đ thừa kế hưởng một phần; tài sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là thừa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thừa đất 1878m² (theo sơ đồ hiện trạng thừa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thừa đất số 50, tờ bản đồ số 6, diện tích đo thực tế là 1850,2m²); Địa chỉ thừa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B, trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát; trên đất trước đây có 05 cây mít và 03 cây xà cừ hiện nay con ông Đ chặt 05 cây mít bán không rõ là bao nhiêu tiền và 02 cây xà cừ bán với giá 36 triệu đồng; các tài sản gắn liền với đất và cây cối, hoa lợi còn lại trên đất không yêu cầu chia mà nằm trên diện tích đất của ai được chia thì người đó được hưởng, thấy rằng:

[2].1.1. Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thừa đất số 56, tờ bản đồ số 06, diện tích 1878m² 9 (theo sơ đồ hiện trạng thừa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thừa đất số 50, tờ bản đồ số 6, diện tích đo thực tế là 1850,2m²); Địa chỉ thừa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (hiện nay đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ năm 2005), trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát và một số cây cối hoa lợi là tài sản chung của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th lúc sinh thời tạo dựng lên. Năm 1991 cụ T chết, năm 2012 cụ Th chết đều không để lại di chúc gì. Bà H, ông H, anh Đ xác định năm 1993 cụ Th đã chia tài sản chung của cụ T và cụ Th cho các con tại ngày giỗ của cụ T, có mặt đầy đủ các con và có một số anh em họ hàng, trong đó có ông H, bà C, ông L, ông N và ông C. Khi chia tài sản chung cụ Th chỉ tuyên bố miệng, không làm văn bản, giấy tờ gì. Tuy nhiên, ông H và bà C không thừa nhận có việc cụ Th chia tài sản chung cho các con như bà H, ông H, anh Đ trình bày và xác định tài sản chung của cụ T và cụ Th khi chết để lại vẫn chưa được chia bao giờ. Do có đương sự trong vụ án không thừa nhận tài sản chung của cụ T và cụ Th để lại đã được chia vào năm 1993, cụ T, cụ Th khi chết không để lại di chúc gì và không có văn bản, giấy tờ gì thể hiện tài sản chung của cụ T và cụ Th đã được chia cho hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại phiên hòa giải do UBND xã T tiến hành ngày 23/6/2010 khi đó cụ Nguyễn Thị Th và

ông Văn Hữu S còn sống, cụ Th xác định năm 1993 cụ Th có giao cho vợ chồng ông Đ là con cả đến ở trên nhà đất diện tích 1878m² để lo giỗ tết và có ý kiến về 02 cây xà cừ cụ Th bán để gửi tiền vào Ngân hàng, đất cụ Th chia làm 4 cho bốn người con trai, không nhất trí giao cho ông Đ cả mảnh đất đó; Ông Văn Hữu S cũng xác định đất là của cụ Th, khi nào cụ Th chết cụ cho ai thì cho và người đó được hưởng. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa đất 1878m² (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6, diện tích đo thực tế là 1850,2m²); Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B, trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát là di sản thừa kế của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th để lại chưa chia cho các hàng thừa kế của cụ T và cụ Th. Do đó, những người được hưởng thừa kế tài sản chung của cụ T và cụ Th (ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ Th) là 7 người con gồm: Ông Văn Hữu Đ (chết năm 2003); bà Văn Thị H; ông Văn Tiến H; ông Văn Hữu H; bà Văn Thị C; ông Văn Hữu S (chết năm 2012- chết sau cụ Th) và bà Văn Thị C. Vì vậy, yêu cầu của ông Văn Tiến H yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông H (cụ T, cụ Th) để lại theo pháp luật thành 07 phần bằng nhau, cho mỗi Đ thừa kế hưởng một phần, tài sản thừa kế là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa đất 1878m² (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6, diện tích đo thực tế là 1850,2m²); Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B, trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2].1. 2. Thửa đất chia thừa kế có diện tích thực tế là 1850,2m² được chia làm 7 phần bằng nhau cho 7 suất được hưởng tài sản thừa kế, mỗi phần được chia diện tích là 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn). Trị giá đất ở là 900.000đ/1m²; trị giá đất vườn là 550.000đ/1m²; 264,3m² đất được chia thừa kế có trị giá là: 163.355.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[2].1.3. Do ông Văn Hữu Đ đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ được nhận tài sản thừa kế mà ông Đ được hưởng của cụ T, cụ Th khi chia gồm: Bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ, anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H và chị Văn Thị H.

[2].1.4. Đối với ông Văn Hữu S chết sau cụ Th nên được hưởng thừa kế tài sản chung của cụ T và cụ Th, ông S đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của ông S được nhận tài sản thừa kế mà ông S được hưởng của cụ T, cụ Th khi chia gồm: Bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S và chị Văn Thị D.

[2].1.5. Đối với phần tài sản thừa kế của ông H, bà H được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật, bà H và ông H đều có quan điểm từ chối nhận phần tài sản thừa kế được hưởng, đề nghị giao phần tài sản thừa kế này cho anh Văn Hữu Đ được sở hữu và sử dụng, xét là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, cần ghi nhận sự tự nguyện này của bà H và ông H và giao phần tài sản bà H và ông H được hưởng thừa kế cho anh Văn Hữu Đ là phù hợp.

[2].1.6. Đối với phần tài sản thừa kế mà bà Văn Thị C được hưởng theo quy định của pháp luật, trước đây bà C có quyết định tuyên bố chết của Tòa án, ngày chết là ngày 01/01/1999 tại Quyết định số 01/2017/QĐST-VDS ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Tuy nhiên, đến nay có căn cứ xác định bà C vẫn còn sống, theo

yêu cầu của ông H và các đương sự, Tòa án đã có quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố bà C đã chết số **04/2021/QĐST-VDS** ngày 25/9/2021. Vì vậy, cần giao cho bà Văn Thị C phần tài sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật là phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay bà C vắng mặt tại địa phương nên cần tạm giao cho ông Văn Tiến H quản lý phần tài sản chung của bà Văn Thị C được chia thừa kế, khi nào bà C có mặt tại địa phương thì ông H có trách nhiệm bàn giao lại cho bà C phần tài sản mà bà C được chia thừa kế trong vụ án này.

[2].1. 7. Trên thửa đất hiện nay có ngôi nhà 05 gian đã cũ nát, không còn giá trị sử dụng và một số cây vải, bạch đàn, xà cừ còn nhỏ, giá trị không lớn, tại Tòa án và tại phiên tòa các đương sự đều không yêu cầu định giá tài sản để chia thừa kế, đề nghị nếu các tài sản này nằm trên diện tích đất của ai được chia thì người đó được hưởng. Vì vậy, các cây cối hoa lợi này nằm trên diện tích đất của người nào được chia thừa kế thì người đó được hưởng.

[2].1.8. Đối với yêu cầu của ông Văn Tiến H yêu cầu chia trị giá các cây cối, hoa lợi trên đất mà ông xác định gia đình ông Đ đã chặt và bán gồm 05 cây mít và 02 cây xà cừ. Hội Đ xét xử xét thấy, từ năm 1993 gia đình ông Đ có công duy trì khối tài sản thừa kế, vì vậy số tiền có được từ các cây mít và xà cừ gia đình ông Đ đã chặt và bán được trừ vào công sức mà gia đình ông Đ đã quản lý, duy trì khối tài sản thừa kế nên không cần xem xét đối với giá trị các cây cối hoa lợi đã được bán và không cần xem xét về việc chi trả công sức của người quản lý khối tài sản thừa kế trong vụ án. Vì vậy, yêu cầu của ông H về việc chia trị giá các cây mít và cây xà cừ mà gia đình bà P đã chặt và bán trước đây không được chấp nhận.

[2].1.9. Đối với yêu cầu của ông Văn Tiến H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393 do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005 mang tên ông Văn Hữu Đ đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa đất 1878m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B. Hội Đ xét xử xét thấy, vụ án thu lý ngày 03/3/2016 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H đã cấp cho hộ ông Văn Hữu Đ được quyền sử dụng thửa đất số 56 nêu trên có căn cứ xác định là không đúng, UBND huyện H cũng xác định thuộc diện phải thu hồi. Vì vậy, yêu cầu của ông H đề nghị Tòa án hủy Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393 do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005 mang tên ông Văn Hữu Đ đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa đất 1878m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3]. Đối với số tiền chi phí định giá tài sản ông Văn Tiến H đã nộp tạm ứng chi và đã chi phí hết số tiền 2.351.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng), nay yêu cầu khởi kiện của ông Văn Tiến H được chấp nhận, ông H tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí định giá, thẩm định tài sản, xét là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, vì vậy ông H phải chịu toàn bộ chi phí tiền định giá, thẩm định giá trong vụ án.

[4]. Về án phí: Đối với ông Văn Tiến H, bà Phạm Thị P do là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật; bà Văn Thị C, anh Văn Hữu Đ,

anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H, chị Văn Thị H, bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S và chị Văn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 612; Điều 613; Điều 616; Điều 618; Điều 620; Điều 649; Điều 651; Điều 652; Điều 660; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 98, Điều 100 của Luật Đất đai; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Văn Tiến H về việc yêu cầu chia số tiền 36.000.000đ (Ba mươi Sáu triệu Đ) mà gia đình bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ quản lý do trước đây đã bán 02 cây xà cừ và 05 cây mít trên thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B, hiện nay đang có tranh chấp.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Tiến H về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác nhận thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên họ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B; trên đất có 01 ngôi nhà 05 gian đã cũ nát, hiện nay bà Phạm Thị P và anh Văn Hữu Đ (vợ và con ông Văn Hữu Đ) đang quản lý là di sản của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th để lại. Diện tích đất 1.850,2m² có trị giá là 1.143.610.000đ (Một tỉ một trăm bốn mươi ba nghìn S trăm mười nghìn đồng).

3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th gồm: 1. Ông Văn Hữu Đ (chết năm 2003- những người được nhận tài sản thừa kế của ông Đ là bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ, anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H, chị Văn Thị H); 2. bà Văn Thị H; 3. ông Văn Tiến H; 4. ông Văn Hữu H; 5. bà Văn Thị C; 6. ông Văn Hữu S (chết năm 2012- những người được nhận tài sản thừa kế của ông S là bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S, chị Văn Thị D); 7. bà Văn Thị C.

- Tài sản chia thừa kế là thửa đất có diện tích thực tế là 1850,2m² được chia làm 7 phần bằng nhau cho 7 suất được hưởng tài sản thừa kế theo pháp luật, gồm: Ông Văn Hữu Đ (chết năm 2003- những người được nhận tài sản thừa kế của ông Đ là bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ, anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H, chị Văn Thị H); 2. bà Văn Thị H; 3. ông Văn Tiến H; 4. ông Văn Hữu H; 5. bà Văn Thị C; 6. ông Văn Hữu S (chết năm 2012- những người được nhận tài sản thừa kế của ông S là bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S, chị Văn Thị D); 7. bà Văn Thị C; mỗi phần được chia diện tích

là 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn). Trị giá đất ở là 900.000đ/1m²; trị giá đất vườn là 550.000đ/1m²; 264,3m² đất được chia thừa kế có trị giá là: 163.355.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Ghi nhận việc bà Văn Thị H, ông Văn Hữu H từ chối không nhận phần tài sản được thừa kế theo quy định của pháp luật và cho cháu là anh Văn Hữu Đ được hưởng phần thừa kế của ông H, bà H.

3.1. Giao cho bà Văn Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn- được đánh số trong sơ đồ là thửa số **117**) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (có sơ đồ kèm theo), có các điểm tiếp giáp như sau:

- Hướng Tây Nam giáp thửa đất số 51 là cạnh 19+20 dài = 5,50m;

- Hướng Đông Bắc giáp đường đi là các cạnh: 1C+1D= 2,22m; 1D+1E= 3,55m 1E+2= 2,29m;

- Hướng Đông Nam giáp thửa số 118 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh 3+18 dài = 41,91m;

- Hướng Tây Bắc giáp thửa số 46 của gia đình ông T và đường đi là các cạnh: 20+2 = 29,09m; 21+ 22= 1,22m; 22+ 23= 3,54m; 23+ 1= 3,34m; 1+1A= 5,65m; 1A+1B= 1,81m; 1B+1C= 1,07m;

3.2. Giao cho ông Văn Tiến H được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn- được đánh số trong sơ đồ là thửa số **118**) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (có sơ đồ kèm theo), có các điểm tiếp giáp như sau:

- Hướng Tây Nam giáp thửa đất số 59 là cạnh 18+19 dài = 5,88m;

- Hướng Đông Bắc giáp đường đi là cạnh 2+3 dài= 5,46m;

- Hướng Đông Nam giáp thửa số 119 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh 3+18 dài = 42,12m;

- Hướng Tây Bắc giáp thửa số 117 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh 2+19 dài = 41,91m;

3.3. Giao cho bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S và chị Văn Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn- được đánh số trong sơ đồ là thửa số **119**) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: SốAA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (có sơ đồ kèm theo), có các điểm tiếp giáp như sau:

- Hướng Tây Nam giáp thửa đất số 59 là cạnh 17+18 dài = 6,08m;
- Hướng Đông Bắc giáp đường đi là các cạnh: 3 + 4= 6,53m;
- Hướng Đông Nam giáp thửa số 120 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh 4+17 dài = 41,85m;
- Hướng Tây Bắc giáp thửa số 118 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh 3+18 dài = 42,12m;

3.4. Giao cho anh Văn Hữu Đ được quyền sử dụng 02 thửa đất được đánh số trong sơ đồ là **thửa số 120 và 121**, diện tích mỗi thửa đất là 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: SốAA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (có sơ đồ kèm theo), có các điểm tiếp giáp như sau:

Thửa số 120:

- Hướng Tây Nam giáp thửa đất số 59 và đường tiểu ngõ là các cạnh: 16+16a= 1,13m; 16a + 17 dài = 4,97m;
- Hướng Đông Bắc giáp đường đi là cạnh: 4+5= 6,59m;
- Hướng Đông Nam giáp thửa số 121 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh 5+16 dài = 41,50m;
- Hướng Tây Bắc giáp thửa số 119 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh 4+17 dài = 41,85m;

Thửa số 121:

- Hướng Tây Nam giáp thửa đất số 60 và đường tiểu ngõ là các cạnh: 15+15a= 4,85m; 15a + 16 = 1,22m;
- Hướng Đông Bắc giáp đường đi là cạnh: 5+6= 6,75m;

- Hướng Đông Nam giáp thửa số 122 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh $6+15$ dài = 41,11m;

- Hướng Tây Bắc giáp thửa số 120 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh $5+16$ dài = 41,50m;

3.5. Giao cho bà Phạm Thị P, anh Văn Hữu Đ, anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H và chị Văn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn- được đánh số trong sơ đồ là thửa số **122**) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: SốAA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (có sơ đồ kèm theo), có các điểm tiếp giáp như sau:

- Hướng Tây Nam giáp thửa đất số 60 là cạnh $14+15$ dài = 6,13m;

- Hướng Đông Bắc giáp đường đi là các cạnh: $6 + 7 = 6,78$ m;

- Hướng Đông Nam giáp thửa số 123 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh $7+14$ dài = 40,80m;

- Hướng Tây Bắc giáp thửa số 121 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh $6+15$ dài = 41,11m;

3.6. Giao cho bà Văn Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 264,3m² (trong đó có 51,4m² đất ở và 212,9m² đất vườn- được đánh số trong sơ đồ là thửa số 123) nằm trong thửa đất có diện tích đất đo thực tế là 1.850,2m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Văn Hữu Đ (diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 1878m²) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: SốAA 352393; vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H); thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (có sơ đồ kèm theo), có các điểm tiếp giáp như sau:

- Hướng Tây Nam giáp thửa đất số 60 là cạnh $13+14$ dài = 1,90m;

- Hướng Đông Bắc giáp đường đi là các cạnh: $7 + 8$ dài = 17,05m;

- Hướng Đông Nam giáp thửa đất số 97 là các cạnh: $8+9$ dài = 12,96m; $9+10 = 17,11$ m; $10+11 = 18,95$ m; $11+12 = 1,97$ m; $12+13 = 8,66$ m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa số 122 (nằm trong thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6) là cạnh $7+14$ dài = 40,80m;

Nhưng tạm giao cho ông Văn Tiến H quản lý thửa đất số 123 của bà Văn Thị C do bà C hiện nay vắng mặt tại địa phương.

4. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 352393, vào sổ cấp giấy: 00535* QSDĐ/49/2003/QĐ-UB (H) do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2005 cho hộ ông (bà) Văn Hữu Đ; thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 06, diện tích 1878m² (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H do ngày 06/8/2020 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B do đây là di sản của cụ Văn Hữu T và cụ Nguyễn Thị Th để lại.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Văn Tiến H và bà Phạm Thị P do ông H, bà P là người cao tuổi. Trả lại cho ông Văn Tiến H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.025.000đ (Sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000168 ngày 03/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Anh Văn Hữu Đ phải chịu 17.697.300đ (Mười bảy triệu S trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Anh Văn Hữu T, anh Văn Hữu T, chị Văn Thị H và chị Văn Thị H mỗi người phải chịu 1.361.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Văn Thị C phải chịu 8.168.000đ (Tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Văn Thị C phải chịu 8.168.000đ (Tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Tạ Thị L, anh Văn Hữu S và chị Văn Thị D mỗi người phải chịu 2.722.700đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Văn Tiến H chịu toàn bộ số tiền đã chi phí cho việc định giá, thẩm định giá và đo đạc thửa đất là 2.351.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Chi cục thi hành án;*
- *Lưu.*

Nguyễn Xuân Toàn